TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2026
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Bùi Việt Nga.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:Ông Y Rin Niê Kdăm– Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số CCCD: 066090000921.

- Bị đơn: Chị Cao Ngọc T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Số CCCD: 066191021531.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án anh Lâm Văn H trình bày: Anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 14/7/2010. Sau khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Lâm Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Cao Ngọc T.

- Về con chung: Anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T có 02 (hai) con chung: Cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Lâm Minh T2, sinh ngày 20/01/2013.

Anh Lâm Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Về án phí: Anh Lâm Văn H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

- Đối với bị đơn chị Cao Ngọc T: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 149/TB-TLVA, ngày 09/12/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA, ngày 09/12/2025 và số 02/TB-TA ngày 30/12/2025. Tuy nhiên, chị Cao Ngọc T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T đã sống ly thân.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn chị Cao Ngọc T vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn H được ly hôn với chị Cao Ngọc T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Lâm Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Cao Ngọc T đăng ký hộ khẩu thường trú cư trú tại thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Cao Ngọc T. Tuy nhiên, bị đơn chị Cao Ngọc T vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 14/7/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lâm Văn H được ly hôn với chị Cao Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Lâm Văn H và chị Cao Ngọc T có 02 (hai) con chung: Cháu Lâm Minh T1, sinh ngày 10/02/2011 và cháu Lâm Minh T2, sinh ngày 20/01/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyên đơn anh Lâm Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn H được ly hôn với chị Cao Ngọc T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn H không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lâm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004127 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lâm Văn H và bị đơn chị Cao Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đắk Lắk;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long